

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2019

V/v tranh chấp nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Tổ 1, ấp T 1, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Tổ 14, ấp TT, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh H bất đồng quan điểm sống, anh H ham chơi, ít quan tâm đến chị và con, chị và anh H thường xuyên cãi vã. Đến tháng 01/2018 mâu thuẫn trầm trọng, anh H bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay, thỉnh thoảng anh H có đến thăm con. Chị và anh H không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2018 đến nay. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Hiếu được nữa nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 01/10/2014, hiện đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được quyền nuôi cháu N, chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H thừa nhận những lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc M về thời gian chung sống và anh chị chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị M thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 01/2018 anh bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay, thỉnh thoảng anh có đến thăm con nhưng anh và chị M vẫn không hàn gắn tình cảm được. Anh và chị M không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh, anh H cũng đồng ý theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị M về con chung. Anh H đồng ý giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 01/10/2014 cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Ngọc M, anh Nguyễn Hữu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Trần Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Mai, anh Hiếu.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị M và anh H không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị Trần Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H có 01 con chung tên Nguyễn Hữu N, sinh ngày 01/10/2014, hiện cháu N đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu N; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu H cũng đồng ý giao cháu N cho chị M nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa chị M và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Trần Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc M tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Trần Thị Ngọc M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Hữu H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc M phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006122 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(Đã ký)***Nguyễn Thọ Cường**